

KẾ HOẠCH CHỦ ĐỀ: BẢN THÂN

Thời gian thực hiện 3 tuần: Từ ngày 07/10 đến 25/10/2024

I. MỤC TIÊU

Mục tiêu giáo dục			Nội dung giáo dục	Hoạt động giáo dục	Điều chỉnh
TT	MT	Mục tiêu			
1. Lĩnh vực phát triển thể chất					
a) Phát triển vận động					
1	1	- Trẻ có thể thực hiện đúng thuần thục các động tác của bài tập thể dục theo hiệu lệnh hoặc theo nhịp bản nhạc, bài hát. Bắt đầu và kết thúc động tác đúng nhịp.	- Hô hấp: Thổi bong bóng - Tay: + Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên kết hợp với vẫy bàn tay. + Đưa tay ra phía trước sau - Lưng bụng lườn: + Quay sang trái, sang phải kết hợp tay chống hông. + Cúi người về trước - Chân: + Nhảy lên đưa 2 chân sang ngang,	* Hoạt động học: - Hô hấp: Thổi bong bóng - Tay: + Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên kết hợp với vẫy bàn tay + Đưa tay ra phía trước sau - Lưng bụng lườn: + Quay sang trái, sang phải kết hợp tay chống hông + Cúi người về trước - Chân: + Nhảy lên đưa 2 chân sang ngang - Hoạt động chơi: + Trò chơi: Chim bay cò bay, Mất mồm tai, con thỏ.. - Thẻ dục theo bài: Nào chúng ta cùng tập thể dục.	
2	2	- Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động: Đi thăng bằng trên ghế thể dục đầu đội túi cát. Không làm rơi vật đang đội trên đầu khi đi trên ghế thể dục.	- Đi thăng bằng trên ghế thể dục đầu đội túi cát.	- Hoạt động học: + Đi thăng bằng trên ghế thể dục đầu đội túi cát. TC: Luồn cổng dế + Bò dích dắc qua 7 điểm TC: Đuổi bóng. + Ném xa bằng 1 tay. TC: Con thỏ	

3	4	- Trẻ biết thể hiện nhanh, mạnh, khéo léo trong thực hiện bài tập tổng hợp. + Bò vòng qua 5 - 7 điểm đích dắc, cách nhau 1,5m theo đúng yêu cầu.	- Bò đích dắc qua 7 điểm.	- Hoạt động chơi (TCM) +Giúp cô tìm bạn + Tay phải tay trái của bé + Cái túi kì lạ	
4	5	- Trẻ biết phối hợp tay mắt trong vận động: Ném xa bằng 1 tay.	- Ném xa bằng 1 tay.		
5	8	- Trẻ có thể thực hiện và phối hợp được các cử động của bàn tay, ngón tay, phối hợp tay-mắt trong một số hoạt động: Tụ cài, cởi cúc, xây dây giày, cài quai dép, kéo khóa	- Tụ cài, cởi cúc, xây luôn dây giày, cài quai dép, kéo khóa...	- Hoạt động vệ sinh cá nhân +Thực hành cài, cởi cúc, kéo khóa áo, dây giày, ba lô ... - Hoạt động chơi: + Trò chơi: Bàn tay, bàn chân.	
b) Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe					
6	9	- Trẻ biết lựa chọn một số thực phẩm khi được gọi tên, nhóm. + Thực phẩm giàu chất đạm: Thịt, cá.... + Thực phẩm giàu vitamin và muối khoáng: Rau, quả... + Thực phẩm giàu chất béo: Lạc, mỡ... + Thực phẩm giàu chất bột đường: Gạo, ngô...	- Nhận biết, phân loại một số thực phẩm thông thường theo 4 nhóm thực phẩm + Thực phẩm giàu chất đạm: Thịt, cá.... + Thực phẩm giàu vitamin và muối khoáng: Rau, quả.... + Thực phẩm giàu chất béo + Thực phẩm giàu chất bột đường	- Hoạt động ăn: + Tổ chức bữa ăn cho trẻ. + Trẻ kể tên các món ăn trong giờ ăn. TCTV: Canh rau cải, chè đỗ đen, bánh bông lan... - Hoạt động chơi: + Pha nước chanh. - Hoạt động lao động: Kê bàn ghế, xếp bát, cất bát... sau khi ăn	
7	10	- Trẻ nói được tên một số món ăn hằng ngày và các	- Làm quen với 1 số thao tác đơn giản trong chế biến một số	- Hoạt động chơi: + HĐNT: Quan sát bác cấp dưỡng chế	

		dạng chế biến đơn giản: Rau có thể luộc, nấu canh; thịt có thể luộc, rán, kho; Gạo nấu cơm, cháo.....	món ăn của địa phương: Cá nướng, rau có thể luộc, nấu canh; thịt có thể luộc, rán, kho; Gạo nấu cơm, cháo.....	biến món ăn + Xem video các món ăn, và cách chế biến món ăn. + Góc phân vai: Bán hàng; Nấu ăn: Luộc, rán ...	
8	12	- Trẻ thực hiện được một số công việc đơn giản: Tự thay quần áo, khi bị ướt, bẩn và để vào nơi quy định.	- Tự thay quần áo, khi bị ướt, bẩn và để vào nơi quy định	- Hoạt động vệ sinh cá nhân: + Thực hành: Tự thay quần áo. Gấp quần áo - Hoạt động lao động; cất gọn đồ dùng cá nhân, đúng nơi quy định	
9	15	- Trẻ có một số hành vi và thói quen tốt trong vệ sinh phòng bệnh: Vệ sinh răng miệng; sau khi ăn, trước khi đi ngủ, sáng ngủ dậy	- Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người; Vệ sinh răng miệng; sau khi ăn, trước khi đi ngủ, sáng ngủ dậy	- Hoạt động vệ sinh cá nhân: + Trò chuyện về lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người. + Thực hành: Đánh răng. - Hoạt động ăn , ngủ + Giữ trật tự khi ăn, ngủ ngon giấc	

2. Lĩnh vực phát triển nhận thức

a) Khám phá khoa học

10	21	- Trẻ biết phối hợp các giác quan để quan sát, xem xét và thảo luận về sự vật, hiện tượng như kết hợp nhìn, sờ, ngửi, nếm ... để tìm hiểu đặc điểm của đối tượng	- Chức năng các giác quan và các bộ phận khác của cơ thể.	- Hoạt động học: + Tìm hiểu về các giác quan của bé + Thực hành vệ sinh 1 số bộ phận cơ thể: rửa mặt, đánh răng, rửa tay. - Hoạt động chơi: + Trải nghiệm các giác quan. + Trồng và chăm sóc cây.	
----	----	--	---	--	--

b) Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán

11	34	- Trẻ nhận biết các số trong phạm vi 6 và sử dụng các số đó để chỉ số lượng, số thứ tự.	- Các chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 6 - Gộp/ tách các nhóm đối tượng bằng các cách khác nhau và đếm.	- Hoạt động học: + Tách gộp trong phạm vi 6. - Hoạt động chơi: + Ôn đếm số lượng trong phạm vi 6. + Trò chơi: Các dây số đồ vật (EM 14) + Trò chơi: Về đúng nhà. + Góc học tập: Làm vở toán. + TCM: Đếm các bộ phận cơ thể	
12	35	- Trẻ biết gộp các nhóm đối tượng trong phạm vi 6 và đếm.			
13	36	- Trẻ biết tách 1 nhóm đối tượng trong phạm vi 6 thành 2 nhóm bằng các cách khác nhau.			
14	43	- Trẻ biết sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với bạn khác.	+ Xác định vị trí trên dưới, trước sau, phải trái so với bạn khác.	- Hoạt động học: + Xác định vị trí trên dưới, trước sau, phải trái so với bạn khác. - Hoạt động chơi: TC: Đội nào giỏi.	
c) Khám phá xã hội					
15	45	- Trẻ có thể nói đúng họ tên ngày sinh, giới tính (nam, nữ)... của bản thân và vị trí của trẻ trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện.	- Họ tên, ngày sinh, giới tính (nam, nữ) đặc điểm bên ngoài (Béo, gầy, cao, thấp), sở thích của bản thân (Thích, không thích) và vị trí của trẻ (Con, cháu) trong gia đình.	- Hoạt động Chơi: + Trò chuyện với trẻ về tên gọi, ngày sinh, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân và vị trí của trẻ trong gia đình. + Thực hành: Giới thiệu về vị trí của trẻ trong gia đình.	
3. Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ					
16	54	- Trẻ có thể hiểu nghĩa từ khái quát: chủ đề bản thân: Béo, gầy, cao, thấp	- Nghe hiểu các từ khái quát về đặc điểm ngoài béo, gầy Cao, thấp của bản thân.	- Hoạt động học: + Truyện: Gấu con bị đau răng + Thơ: Cái Bé ơi - Hoạt động chơi: + Đồng dao: Mười ngón tay, nhớ ơn.. + Góc bán hàng: Cửa hàng bán trang phục	

17	55	- Trẻ thực hiện được các yêu cầu trong hoạt động tập thể, VD: “ Các bạn có tên bằng chữ cái t đứng sang bên phải, các bạn có tên bắt đầu bằng chữ cái h đứng sang bên trái”	- Hiểu và thực hiện được các chỉ dẫn liên quan đến 2,3 hành động. - Nghe hiểu nội dung truyện kể : Gấu con bị đau răng	nam bạn nữ. - Hoạt động ngữ: nghe cô kể chuyện Đồi tai xấu xí - Hoạt động lao động: lau dọn đồ chơi, cất đồ dùng học tập theo yêu cầu của cô	
18	56	- Trẻ biết lắng nghe và nhận xét ý kiến của người đối thoại về bản thân	- Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng, câu phức về bản thân.		
19	57	- Trẻ có thể kể rõ ràng, có trình tự về bản thân để người nghe có thể hiểu được.	- Phát âm các tiếng có phụ âm đầu và phụ âm cuối gần giống nhau và các thanh điệu về bản thân và các bộ phận cơ thể, giác quan... - Kể lại sự việc theo trình tự.		
20	63	- Trẻ biết đọc biểu cảm bài thơ: Bé ơi. Biết đọc đồng dao, ca dao bài: Nhớ ơn, mười ngón tay...	- Đọc thơ bài: Bé ơi. Biết đọc đồng dao, ca dao bài: Nhớ ơn, mười ngón tay		
21	68	- Trẻ nhận dạng các chữ cái a, ă, â trong bảng chữ cái tiếng việt.	- Nhận dạng các chữ cái a, ă, â	- Hoạt động học: + LQ chữ cái a, ă, â - Hoạt động chơi: + Tìm chữ cái a,ă, â theo hiệu lệnh của cô, tìm chữ cái a,ă, â quanh lớp, bát canh chữ cái (EL22).	
22	69	- Trẻ biết tô, đồ các nét chữ a, ă, â - Biết sao chép một số kí hiệu, chữ cái, tên của mình.	- Tập tô, tập đồ các nét chữ a, ă, â. - Sao chép một số kí hiệu, chữ cái, tên của mình.	- Hoạt động học: + Tập tô chữ cái: a, ă, â. - Hoạt động chơi: + Bé xếp chữ cái a,ă,â, vẽ chữ trên cát +Trò chơi: Nhảy vào ô chữ (El 28) + Thực hành: sao	

				chép ký hiệu, chữ cái, tên trẻ. + Làm vở tập tô.	
4. Lĩnh vực phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội					
23	73	- Trẻ nói được điều bé thích, không thích, những việc bé làm được và việc bé không làm được	- Sở thích, khả năng của bản thân. - Mạnh dạn, tự tin bày tỏ ý kiến	- Hoạt động chơi: + Trò chuyện về sở thích, khả năng của bản thân + Chơi đóng vai: Gia đình, bác sỹ, cửa hàng bách hóa...	
24	74	- Trẻ nói được mình có điểm gì giống và khác bạn (dáng vẻ bên ngoài, giới tính, sở thích và khả năng).	- Điểm giống và khác nhau của mình với người khác.	- Hoạt động chơi: + Trò chuyện về đặc điểm khác nhau của mình so với các bạn	
25	75	- Trẻ biết mình là con/ cháu/anh/ chị/ em trong gia đình.	- Vị trí trách nhiệm của bản thân trong gia đình, lớp học. - Lau dọn đồ dùng đồ chơi và cất đồ dùng vào đúng nơi quy định	- Hoạt động chơi + Trò chuyện về vị thế của bản thân trẻ trong gia đình, lớp học. - Hoạt động lao động: + Lao động phục vụ bản thân: lau rửa mặt, đánh răng, đi vệ sinh đúng nơi quy định + Lau dọn đồ dùng đồ chơi và cất đồ dùng vào đúng nơi quy định	
26	76	-Trẻ biết vâng lời, giúp bố mẹ, cô giáo những việc vừa sức.			
27	79	- Trẻ nhận biết được một số trạng thái cảm xúc: Vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ qua tranh, qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói tranh ảnh.	- Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (Vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc, xấu hổ) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, tranh ảnh.	- Hoạt động chơi: + Cho trẻ xem video về một số trạng thái cảm xúc (Vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc, xấu hổ) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, tranh ảnh. + Trò chơi: Nhận dạng, bắt chước khuôn mặt vui buồn.	
28	89	Trẻ biết lắng nghe ý kiến, trao đổi, thỏa	- Quan tâm, chia sẻ giúp đỡ bạn.	-Hoạt động chơi: +Trẻ chơi theo ý	

		thuận, chia sẻ kinh nghiệm với bạn.	+ Bình đẳng giới giữa bạn nam, bạn nữ trong hoạt động ở lớp, ở trường	thích, chơi theo nhóm, chơi ngoài trời: Chơi với cát, bóng...	
5. Lĩnh vực phát triển thẩm mỹ					
29	97	- Trẻ biết chăm chú lắng nghe và hưởng ứng cảm xúc (hát theo, nhún nhảy, lắc lư, thể hiện động tác mình họa phù hợp) theo bài hát: Chúc mừng sinh nhật, cái mũi, cái mũi...đọc thơ: Bé ơi. đồng dao: nhớ ơn, mười ngón tay, thích nghe và kể câu chuyện: Gấu con bị đau răng.	- Nghe và nhận biết các thể loại âm nhạc khác nhau “ Nhạc thiếu nhi: : Chúc mừng sinh nhật, cái mũi, cái mũi - Nghe và nhận ra sắc thái (Vui, buồn, tình cảm tha thiết) của các bài hát: Chúc mừng sinh nhật	-Hoạt động học: + Cho trẻ nghe các bài hát: Thật đáng chê, Năm tay thân thiết, sinh nhật hồng + Nghe đọc thơ: Bé ơi, đồng dao: nhớ ơn, mười ngón tay , nghe kể truyện: Gấu con bị đau răng	
30	98	- Trẻ biết hát đúng giai điệu lời ca, hát diễn cảm phù hợp với sắc thái, tình cảm của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ cử chỉ bài: Chúc mừng sinh nhật	- Hát đúng giai điệu, lời ca và thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát: Chúc mừng sinh nhật	- Hoạt động học: + DH: Chúc mừng sinh nhật, cái mũi +VTTC: Mời bạn ăn. + Nghe hát: Năm tay thân thiết, sinh nhật hồng, thật đáng chê	
31	99	- Trẻ biết vận động nhịp nhàng phù hợp với sắc thái, bài hát: Mời bạn ăn(vỗ tay theo tiết tấu chậm).	- Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu và thể hiện sắc thái phù hợp với các bài hát: Mời bạn ăn - Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp, tiết tấu: Nghe tiết tấu tìm đồ vật. Giọng hát cao thấp.	+ TC: Ai nhanh nhất, tai ai tinh.. - Hoạt động Chơi: + Góc nghệ thuật: Hát vận động các bài hát trong chủ đề. - Hoạt động ngủ: nghe nhạc không lời.	
		- Trẻ biết phối hợp các kỹ năng vẽ, để tạo thành bức tranh	- Phối hợp các kỹ năng vẽ để tạo nên sản phẩm: vẽ	- Hoạt động học + Tạo hình: vẽ bạn trai bạn gái	

32	101	có màu sắc hài hòa, bố cục cân đối về bản thân.	bạn trai bạn gái có màu sắc, kích thước, hình dáng /đường nét, bố cục.	- Hoạt động chơi + Xếp bạn trai bạn gái bằng hạt theo đường viền + Vẽ bạn trai, bạn gái, trang phục bạn trai bạn gái. + Góc xây dựng : xây nhà búp bê, xây khu vui chơi, công viên của bé + Nặn các món ăn bé thích..
33	103	- Trẻ biết phối hợp các kỹ năng nặn để tạo thành sản phẩm có bố cục cân đối	- Phối hợp các kỹ năng nặn để tạo nên sản phẩm: nặn các món ăn bé thích có màu sắc, kích thước, cân đối: nặn các món ăn bé thích	
34	105	- Trẻ biết nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng, bố cục.	- Nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng / đường nét và bố cục cân đối.	

Tổng số: 34 mục tiêu.

II. CHUẨN BỊ.

- Tranh thơ, tranh vẽ chân dung bé trai, bé gái. Tranh ảnh, các loại hoa quả, các sự vật hiện tượng có liên quan đến chủ đề bản thân.

- Một số trò chơi, bài hát, câu truyện thơ liên quan đến chủ đề

- Bút sáp, đất nặn, tranh ảnh sưu tầm, hồ dán, hộp bìa...

- Huy động phụ huynh sưu tầm 1 số đồ dùng cá nhân cũ hoặc chai lọ đồ chơi để làm đồ dùng tự tạo.

- Bộ đồ chơi phục vụ các góc. Bình nước tưới cây, giá treo tranh.

III. MỞ CHỦ ĐỀ.

- Trò chuyện đàm thoại với trẻ về: Tên trường, tên lớp, tên các bạn, các hoạt động, cách chăm sóc, bảo vệ trường, lớp.

- Trong khi trò chuyện, đàm thoại với trẻ cô khuyến khích trẻ trả lời hoặc đưa ra những câu hỏi về những vấn đề liên quan.

- Cô và trẻ sưu tầm, chuẩn bị các nguyên vật liệu để trẻ hoạt động - Sử dụng câu đố, tranh thơ truyện với nội dung phù hợp để dẫn dắt trẻ vào chủ đề.

- Thông báo với phụ huynh về nội dung chủ đề trường mầm non, huy động phụ huynh cùng thu thập phế liệu đồ dùng đồ chơi cho trẻ hoạt động.

PHÓ HIỆU TRƯỞNG
(Ký duyệt)

NGƯỜI LẬP

Lò Thị Chuyên

Nguyễn Thị Kiều

